TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH51502454	Nguyễn Minh	Cường	D16_TH01																4.81	5.85	5.00	3.82	3.69		0.21		7.50	4.38	1.00		5.14	5.38	73/118	34/58		KoNoHP	KoDKMH	TDUNG	DH15
2	DH51600193	Phạm Hoàng	Diễn	D16_TH01																			4.63	5.20	5.57	4.59	3.83	3.00	4.21	5.36	5.79	5.63	5.63	116/118	53/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
3	DH51600026	Trần Lập	Dũ	D16_TH01																			5.13	3.70	0.00	5.00	5.09		6.31	6.67	6.00	5.12	5.50	95/118	46/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
4	DH51600433	Đỗ Văn	Dũng	D16_TH01																			5.50	4.90	6.00	5.76	5.29	3.40	5.11	6.43	6.43	5.36	6.21	114/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
5	DH51603201	Đồng Quốc	Duy	D16_TH01																			3.95	1.45		3.18	5.65	0.00	5.68	5.30	0.00	4.35	5.00	70/118	34/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
6	DH51600332	Phan Bảo Quốc	Định	D16_TH01																			4.63	2.20	3.40	2.12	4.17	2.00	2.59	4.76	5.33	3.86	4.14	59/118	26/58	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
7	DH51603883	Phạm Hữu	Lợi	D16_TH01																			5.75	5.85	6.50	2.29	3.27		4.82	4.42	6.43	3.88	5.17	88/118	41/58	CCHV_3	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
8	DH51600369	Hứa Đức	Lượng	D16_TH01																			6.94	7.45		7.00	7.05		6.81	7.33		7.47	7.16	121/118	59/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
9	DH51600285	Trần Công	Minh	D16_TH01																			5.19	4.05	6.29	4.12	4.91	2.50	3.00	5.67	6.85	5.31	5.87	112/118	51/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
10	DH51601104	Nguyễn Anh	Nghĩa	D16_TH01																			4.44	3.90	3.00	4.29	5.35	3.67	4.35	5.84	4.38	6.30	5.76	109/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
11	DH51600986	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	D16_TH01																			4.94	4.55	4.60	4.76	5.22	6.33	5.45	6.16	4.00	6.10	5.99	116/118	53/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
12	DH51600250	Trương Trọng	Phú	D16_TH01																			6.00	7.20	7.00	7.12	6.16		6.44	5.40		6.13	6.45	112/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
13	DH51502238	Thái Bảo	Quân	D16_TH01																8.25	8.10		8.18	7.69		7.13	5.93					6.92	7.53	109/118	57/58		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
14	DH51600066	Trương Ngọc	Sinh	D16_TH01																			5.44	5.20	6.60	4.29	3.65		3.40	4.22	5.30	5.39	5.30	98/118	45/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
15	DH51600372	Đỗ Minh	Tâm	D16_TH01																			6.88	7.15		7.29	7.74		6.81	7.33		8.33	7.36	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
16	DH51600395	Nguyễn Hoàng	Thái	D16_TH01																			5.19	3.75	5.20	2.41	3.00	7.00	5.35	6.65	6.67	5.40	5.39	86/118	41/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
17	DH51600333	Nguyễn Chí	Thanh	D16_TH01																			4.88	5.20	0.00	4.41	4.73		5.58	6.11		5.73	5.60	87/118	44/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
18	DH51603878	Nguyễn Văn	Thảo	D16_TH01																			6.50	7.40	8.00	6.82	6.00		6.13	6.73		5.63	6.55	114/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
19	DH51600392	Trương Thị Thanh	Thi	D16_TH01																			4.38	4.75	4.43	5.42	6.74	7.75	5.95	6.87		7.19	6.42	118/118	57/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
20	DH51600244	Nguyễn Hoàng	Thiện	D16_TH01																			7.56	8.25		7.47	7.47		7.56	8.07		7.93	7.76	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
21	DH51600138	Phạm Minh	Thiện	D16_TH01																			4.63	4.20	3.50	4.35	6.13	6.33	6.25	7.94	6.00	6.84	6.53	125/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
22	DH51600690	Lê Hà Ngọc	Thủy	D16_TH01																			5.69	5.70	6.20	5.59	6.27	6.00	6.15	7.89		6.38	6.66	121/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
23	DH51600261	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	D16_TH01																			5.00	5.50	5.86	5.59	6.13	6.50	5.71	6.79		6.29	6.37	119/118	57/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
24	DH51603868	Trần Thanh	Triều	D16_TH01																			5.69	4.40	5.50	5.12	5.30	5.00	5.26	5.33	5.50	5.35	5.67	107/118	51/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
25	DH51603916	Nguyễn Huỳnh Quỳnh	Tuyến	D16_TH01																			7.38	7.55		7.71	6.11		6.94	6.93		5.53	6.90	114/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
26	DH51600325	Lâm Gia	Vinh	D16_TH01																			5.69	4.60	0.00	3.76	6.18	5.00	6.30	7.60	4.93	7.17	6.37	121/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
27	DH51601023	Trần Trí	Anh	D16_TH02																			4.56	1.95		2.88	2.86		2.38	1.52		0.84	2.45	26/118	14/58	CB_BTH_3	KoNoHP	KoDKMH	DC	DH16
28	DH51600947	Lâm Chí	Ân	D16_TH02																			5.50	4.85	5.60	4.88	3.96	5.50	4.61	4.81		3.42	5.50	98/118	47/58	CCHV_2	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
29	DH51600594	Phùng Quang Hoàng	Dũng	D16_TH02																			6.69	7.10		6.88	6.37		6.44	7.07		7.33	6.83	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
30	DH51600888	Phạm Đức	Duy	D16_TH02																			4.31	5.30	5.00	4.06	4.20	2.00	5.17	5.57		4.20	5.13	91/118	44/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
31	DH51601031	Lý Quốc	Đạt	D16_TH02																			5.63	3.45	4.00	1.65	4.81	0.00	5.27	7.63	7.00	6.76	6.25	99/118	47/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
32	DH51600628	Cao Minh	Hiếu	D16_TH02																			6.13	5.85	6.00	5.29	6.59	4.00	6.26	5.58		5.83	6.40	114/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
33	DH51600978	Hồ Huy	Hoàng	D16_TH02																			5.44	3.55	0.00	3.06	4.07	4.00	1.88	4.69	4.00	3.48	3.96	54/118	26/58	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
34	DH51601042	Đoàn Kim	Huệ	D16_TH02																			5.50	6.45	7.00	4.24	4.50		4.29	5.95		4.86	5.80	100/118	47/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
35	DH51600739	Nguyễn Gia	Huy	D16_TH02																			6.50	5.05	3.00	4.59	4.32		4.37	5.85	7.00	3.47	5.31	85/118	41/58	CCHV_1	NoHP	DKMH	DC	DH16
36	DH51600935	Lâm Tăng Bảo	Long	D16_TH02																			3.69	5.25	3.50	4.59	5.32	0.00	4.20	3.14		3.95	4.74	75/118	38/58	CCHV_3	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
37	DH51600761	Nguyễn Tấn	Lộc	D16_TH02																			7.00	7.35	8.00	7.41	6.90		7.69	8.40		8.27	7.63	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
38	DH51600604	Lê Văn Huỳnh	Mai	D16_TH02																			5.56	5.95	2.00	4.18	4.14		4.05	4.32	5.50	4.58	5.23	99/118	48/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
39	DH51600961	Nguyễn Công	Minh	D16_TH02																			5.56	5.20	4.50	4.88	6.23	6.00	5.75	6.22	8.00	6.71	6.40	112/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
40	DH51600728	Nguyễn Hoài	Nam	D16_TH02																			5.56	5.10	6.00	5.47	5.96	4.00	5.14	4.28		5.81	5.77	106/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
41	DH51600689	Mai Thị Linh	Nhi	D16_TH02																			6.06	5.35		5.35	5.68		6.06	5.38	5.92	6.06	6.03	116/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
42	DH51600566	Đào Thiên	Phúc	D16_TH02																			7.44	6.80		7.35	7.35		7.38	7.07		7.47	7.34	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
43	DH51600873	Trần Hồng	Quân	D16_TH02																			6.00	4.25	3.50	3.18	3.90	1.00	2.63	4.17	4.50	5.91	4.78	65/118	32/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
44	DH51600745	Trần Quốc	Tài	D16_TH02																			5.31	3.60	4.00	4.00	4.92	6.00	5.05	3.00	5.00	4.19	4.93	82/118	39/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
45	DH51600954	Huỳnh Chí	Tâm	D16_TH02																			4.88	4.30	4.50	3.18	0.84		0.00	0.00		0.00	2.10	31/118	14/58	CB_BTH_2	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
46	DH51600605	Tiêu Hỷ	Tân	D16_TH02																			4.31	2.80	2.00	2.82	0.09		0.80	0.00		0.00	1.69	22/118	11/58	CB_BTH_3	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
47	DH51600693	Phạm Công	Thành	D16_TH02																			7.38	6.70		6.29	6.57		6.05	6.67		7.80	6.92	120/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
48	DH51600602	Nguyễn Đức	Thuận	D16_TH02																			7.38	7.60		6.59	7.26		7.38	8.20		8.87	7.58	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
49	DH51601707	Nguyễn Thanh	Bình	D16_TH03																			5.38	3.80	0.00	3.35	4.58	7.00	4.05	4.08	6.00	4.71	4.87	88/118	41/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
50	DH51601700	Nguyễn Đắc	Chí	D16_TH03																			7.81	7.60		7.41	7.89		8.38	8.67		8.20	7.97	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
51	DH51601063	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	D16_TH03																			6.56	8.40	8.00	7.35	7.00		6.75	7.00		7.40	7.35	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
52	DH51601489	Đặng Tấn	Đạt	D16_TH03																			6.44	6.40	6.00	5.41	5.95		5.36	4.67		6.35	6.05	106/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
53	DH51601193	Nguyễn Hoàng	Hải	D16_TH03																			7.25	8.60		8.18	7.37		7.75	7.40		7.32	7.71	122/118	60/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
54	DH51601561	Lê Văn	Hiếu	D16_TH03																			6.25	6.50	6.00	6.47	7.42		7.25	7.47		7.53	7.02	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
55	DH51601080	Nguyễn Minh	Hiếu	D16_TH03																			4.75	4.95	6.00	3.76	4.82	7.60	4.45	5.05	6.00	4.04	5.37	93/118	44/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
56	DH51601158	Trần Thanh	Hiếu	D16_TH03																			6.31	7.50	5.00	5.94	6.42		7.11	7.47		7.87	7.03	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
57	DH51601100	Vũ Minh	Hưng	D16_TH03																			6.19	7.25		5.47	4.32	4.00	2.16	2.30	2.57	2.34	4.45	71/118	37/58	CCHV_3	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
58	DH51601167	Hà Đăng	Khoa	D16_TH03																			4.00	3.55		2.53	3.37		2.76	3.05	4.29	0.00	3.20	38/118	20/58	CB_BTH_3	NoHP	KoDKMH	BTH	DH16
59	DH51603969	Mai Lâm	Kiệt	D16_TH03																			6.50	5.40	0.00	4.12	4.95	9.00	4.27	3.68	6.86	4.00	5.29	91/118	44/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
60	DH51603225	Nguyễn Bạch Nhật	Long	D16_TH03																			8.19	8.80		8.18	8.16		8.56	8.27		7.80	8.30	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
61	DH51601452	Hứa Vinh	Minh	D16_TH03																			5.94	7.60	0.00	6.82	6.89		6.26	5.80	6.50	6.47	6.73	116/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
62	DH51601289	Nguyễn Đức	Nhã	D16_TH03																			7.63	8.10		6.47	6.74		6.44	5.73		6.44	6.84	113/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
63	DH51601436	Lê Vĩnh	Phú	D16_TH03																			6.44	5.35		5.18	5.68		5.13	4.72		0.00	4.76	87/118	42/58	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
64	DH51601200	Nguyễn Ngọc	Sơn	D16_TH03																			6.19	4.20		0.24	3.75		3.55	5.10	5.57	4.36	4.92	84/118	38/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
65	DH51601092	Nguyễn Hữu	Tài	D16_TH03																			5.56	5.15	0.00	4.12	5.26	8.00	3.92	3.52	6.00	3.81	5.18	82/118	40/58	CCHV_3	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
66	DH51601592	Trần Thủ	Tài	D16_TH03																			6.31	5.45	4.40	5.41	5.64		4.38	4.94	5.20	5.31	5.57	94/118	46/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
67	DH51601266	Nguyễn Thanh	Tâm	D16_TH03																			6.44	7.65	6.00	7.35	6.16		7.38	6.73		7.00	7.04	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
68	DH51601296	Lê Hoàng	Tân	D16_TH03																			6.44	6.65	5.00	5.88	5.89		6.31	6.07		5.75	6.18	116/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
69	DH51601233	Phạm Ngọc	Thạch	D16_TH03																			5.81	6.05	6.00	5.24	5.25		4.95	6.77		5.95	6.23	117/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
70	DH51601600	Từ Chí	Thành	D16_TH03																			6.81	7.25		7.24	7.21		7.00	6.33		6.93	6.99	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
71	DH51601645	Dương Quốc	Thắng	D16_TH03																			7.38	8.25		7.47	6.79		6.63	7.27		6.33	7.24	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
72	DH51601131	Phan Quang	Thông	D16_TH03																			4.69	5.70	5.00	2.65	2.74	7.20	3.23	2.89		4.35	4.28	61/118	32/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
73	DH51601533	Phạm Minh	Tính	D16_TH03																			6.38	6.85		4.24	6.26	9.00	5.23	4.33		4.26	5.82	98/118	48/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
74	DH51601418	Huỳnh Quốc	Trung	D16_TH03																			6.38	7.55		6.12	6.53		5.37	4.40		5.56	6.13	112/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
75	DH51602563	Trần Thị Hồng	Diệu	D16_TH04																			6.06	5.40	5.00	3.94	4.95	7.00	4.17	5.96	3.40	5.64	6.03	107/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
76	DH51602518	Triệu Chính	Đạt	D16_TH04																			4.44	5.55	5.29	5.18	5.83	4.00	6.06	5.11	7.00	5.69	5.87	112/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
77	DH51602185	Nguyễn Gia	Hân	D16_TH04																			5.75	5.70	6.00	5.00	6.78		6.45	6.07		5.56	6.13	116/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
78	DH51602913	Võ Minh	Hiển	D16_TH04																			6.94	5.95		5.65	6.13		5.58	4.61		5.56	6.03	109/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
79	DH51602688	Tạ Đỗ Huy	Hoàng	D16_TH04																			4.25	6.10	4.86	4.71	6.52	7.67	6.04	6.11		5.81	6.23	119/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
80	DH51602590	Trương Nhật	Hoàng	D16_TH04																			5.56	4.45	2.00	4.53	5.25	5.70	5.35	3.88	4.00	5.67	5.66	105/118	50/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
81	DH51602109	Phùng Quốc Minh	Khánh	D16_TH04																			6.56	6.40		6.18	6.70		6.39	6.13		6.00	6.55	116/118	57/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
82	DH51602502	Trần Thanh	Liêm	D16_TH04																			5.25	6.20	8.57	5.24	6.58		6.53	6.60		6.28	6.48	115/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
83	DH51602517	Nguyễn Văn	Ngọc	D16_TH04																			4.75	4.85	5.57	4.76	5.96	0.00	6.00	5.57	7.00	5.87	5.98	107/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
84	DH51601731	Trần Thanh	Nguyên	D16_TH04																			5.75	7.05	7.50	6.06	6.79		6.53	7.33		6.13	6.71	116/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
85	DH51602674	Huỳnh Quốc	Như	D16_TH04																			5.44	5.75	7.29	5.53	5.77		5.63	6.63	7.00	5.94	6.29	117/118	57/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
86	DH51602203	Trần Hoàng	Phúc	D16_TH04																			6.38	6.65		5.53	6.32		6.38	5.39		6.06	6.20	113/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
87	DH51601945	Phạm Tài	Rin	D16_TH04																			6.88	7.00		5.59	5.37		5.28	2.94		1.71	5.13	88/118	44/58	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
88	DH51602259	Lê Phước	Sang	D16_TH04																			5.44	5.00	6.57	4.29	5.77		5.57	3.93	6.23	4.68	5.66	109/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
89	DH51601897	Huỳnh Thanh	Tâm	D16_TH04																			4.94	4.90	6.00	4.12	5.36	6.71	5.47	3.05	1.50	4.36	5.11	79/118	38/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
90	DH51602358	Nguyễn Thiện	Thạch	D16_TH04																			4.69	3.95	4.29	4.59	5.48	6.00	5.45	5.40	6.00	5.47	5.73	102/118	50/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
91	DH51602493	Nguyễn Hữu	Tôn	D16_TH04																			4.56	4.65	4.14	4.60	6.14	6.10	5.08	5.76	6.57	6.04	6.17	118/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
92	DH51601962	Nguyễn Tuấn	Tú	D16_TH04																			4.50	4.00	4.14	4.35	5.65	6.00	5.20	4.48	5.00	5.47	5.56	114/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
93	DH51602702	Trương Hoàng	Tùng	D16_TH04																			4.13	4.80	3.43	5.29	5.57	4.14	5.00	4.16	3.70	5.41	5.52	99/118	48/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
94	DH51602550	Trang Văn	Việt	D16_TH04																			6.75	7.70		5.29	6.32		6.71	5.13		6.07	6.37	112/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
95	DH51602613	Nguyễn Tiến	Vinh	D16_TH04																			5.25	4.60	4.43	2.94	3.23	8.20	4.38	0.69	6.79	5.10	5.04	81/118	37/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
96	DH51600393	Nguyễn Tuấn	Anh	D16_TH05																			4.63	6.00	6.00	5.18	4.37		5.00	4.13		3.50	4.90	89/118	45/58	CCHV_1	KoNoHP	KoDKMH	DC	DH16
97	DH51603039	Châu Chí	Cường	D16_TH05																			6.81	6.65		6.94	5.58	7.00	6.75	6.00		6.13	6.57	114/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
98	DH51603556	Nguyễn Hoàng Phương	Đại	D16_TH05																			6.19	6.65	3.00	6.15	6.00	6.00	7.26	6.61		7.56	6.91	121/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
99	DH51603084	Trương Phạm Quốc	Đạt	D16_TH05																			4.88	4.40	4.50	6.82	5.42	7.40	6.79	6.36		6.31	6.31	116/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
100	DH51601647	Nguyễn Hữu	Khang	D16_TH05																			3.69	2.55	1.80	4.75	4.47	7.00	5.06	2.72	4.50	0.38	3.69	59/118	26/58	CB_BTH_1	KoNoHP	KoDKMH	DC	DH16
101	DH51601497	Phạm Thị	Liên	D16_TH05																			5.25	6.05	4.00	4.76	4.58	10.00	5.14	4.59	4.00	2.78	5.05	95/118	45/58	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
102	DH51601348	Nguyễn Thanh	Nhã	D16_TH05																			6.13	7.35		6.47	5.26		5.81	5.06		6.06	6.08	113/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
103	DH51603022	Bùi Đặng Phương	Thanh	D16_TH05																			6.63	7.35	3.00	6.95	5.95	7.00	6.38	7.50		7.00	7.02	121/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
104	DH51600361	Hà Kim	Yến	D16_TH05																			5.19	5.65	0.00	4.88	4.26	8.00	4.90	5.09	4.00	1.87	4.91	74/118	37/58	CCHV_1	KoNoHP	KoDKMH	DC	DH16
105	DH51603006	Phạm Minh	An	D16_TH06																			6.19	7.55		6.00	7.16	9.00	6.65	7.53	10.00	7.53	7.27	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
106	DH51602391	Trần Hoàng	Ân	D16_TH06																			4.38	4.35	4.71	4.41	5.00	6.67	5.09	6.71	6.00	6.04	6.14	117/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
107	DH51602255	Vương Quốc	Cảnh	D16_TH06																			3.88	3.85	3.00	3.82	4.84		5.43	2.79	4.29	5.25	4.47	69/118	33/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
108	DH51602907	Phan Thị Cẩm	Duyên	D16_TH06																			6.06	6.70	0.00	5.35	6.05		5.18	2.22	6.00	4.25	5.40	94/118	45/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
109	DH51603256	Thạch Minh	Điền	D16_TH06																			4.13	4.10	0.00	5.53	3.68		6.56	4.80		0.81	4.22	68/118	34/58	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
110	DH51602964	Lâm Đức	Hải	D16_TH06																			6.31	7.30		7.29	7.42		7.13	7.67		7.27	7.20	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
111	DH51602519	Lại Trần Minh	Hiếu	D16_TH06																			7.00	7.80		7.88	7.16		7.19	7.80		6.25	7.31	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
112	DH51603407	Phạm Văn	Hiếu	D16_TH06																			5.63	5.50	2.00	4.94	4.42		5.13	4.44		5.25	5.08	81/118	40/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
113	DH51601967	Trần Vĩnh	Lộc	D16_TH06																			4.25	4.35	4.71	3.95	3.11	4.00	4.13	3.27		1.21	3.81	51/118	24/58	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
114	DH51602687	Lê Hương	Ly	D16_TH06																			6.31	7.70		6.53	7.26		6.00	7.60		6.88	6.97	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
115	DH51601964	Lê Quý	Nam	D16_TH06																			5.94	6.10	6.00	4.24	4.18	0.00	5.45	7.67	6.31	5.82	6.40	121/118	57/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
116	DH51602901	Nguyễn Cao Bảo	Ngọc	D16_TH06																			5.00	6.15	5.14	5.00	5.21	8.33	5.75	6.33	6.67	6.26	6.37	116/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
117	DH51602594	Trần Tâm	Nhân	D16_TH06																			4.94	6.10	5.44	5.53	6.11	7.00	6.06	5.38		5.06	5.87	108/118	53/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
118	DH51603507	Huỳnh Cát	Phú	D16_TH06																			4.06	3.25	2.83	3.45	4.47	3.78	4.17	3.74	3.09	3.95	4.41	65/118	33/58	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
119	DH51602530	Nguyễn Hoàng	Phúc	D16_TH06																			5.88	5.40		6.47	6.37	6.63	6.50	6.67		5.71	6.33	117/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
120	DH51603464	Trương Quang	Phước	D16_TH06																			5.06	5.80	6.50	3.60	4.63	6.00	5.00	5.68	7.00	5.15	6.01	107/118	49/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
121	DH51603335	Trần Ngọc	Quân	D16_TH06																			5.31	6.25		5.10	4.68	7.60	5.79	5.52		4.84	5.72	112/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
122	DH51604091	Nguyễn Định	Quốc	D16_TH06																			5.13	4.80	0.00	5.00	4.26	5.00	4.60	4.47		1.06	4.32	63/118	32/58	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
123	DH51602658	Nguyễn Tài	Sang	D16_TH06																			5.31	6.05	4.83	5.71	5.74	5.45	4.82	4.44	7.00	5.09	5.70	99/118	48/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
124	DH51604129	Tô Vũ Phúc	Sang	D16_TH06																			7.13	7.95		7.45	6.79		6.31	7.53		2.53	6.68	106/118	51/58	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
125	DH51602979	Trần Ngọc	Thắng	D16_TH06																			6.81	5.50		4.06	4.79	9.00	6.71	8.50	6.57	7.06	7.49	122/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
126	DH51602750	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	D16_TH06																			4.69	3.90	4.80	4.88	4.53	5.83	5.10	4.14	4.00	4.27	5.03	92/118	43/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
127	DH51602492	Nguyễn Xuân	Trường	D16_TH06																			4.94	4.45	6.60	5.12	5.47	5.88	5.00	4.87		0.91	4.78	75/118	38/58	CCHV_1	NoHP	DKMH	DC	DH16
128	DH51600171	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	D16_TH06																			4.88	4.00		4.53	3.73	3.00	3.38	4.83		0.14	3.94	44/118	21/58	CCHV_3	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
129	DH51601825	Hồ Hoàng	Vũ	D16_TH06																			5.25	4.65		3.24	2.63	0.00	3.56	1.00		3.69	3.45	55/118	27/58	CB_BTH_2	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
130	DH51602754	Ngô Võ Minh	Vương	D16_TH06																			6.25	7.20	7.00	7.45	6.68		7.63	7.87		6.88	7.28	116/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
131	DH51600847	Thái Bình Quốc	Bảo	D16_TH07																			7.13	5.45		5.18	5.36	6.63	5.76	5.48	6.50	5.53	6.13	110/118	53/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
132	DH51603013	Huỳnh Trung	Đức	D16_TH07																			6.06	5.00	7.00	6.41	5.57	2.00	5.94	6.33	6.00	6.50	6.36	115/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
133	DH51603311	Ngô Chí	Hải	D16_TH07																			6.69	5.75	7.00	6.00	5.95		5.59	6.56		6.00	6.22	118/118	57/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
134	DH51600684	Lê Duy	Khang	D16_TH07																			5.19	3.75	4.86	4.82	4.82	5.67	5.00	5.36	5.25	5.21	5.56	97/118	46/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
135	DH51602608	Trần Văn	Sơn	D16_TH07																			5.31	3.85	3.00	4.24	4.32	1.13	4.00	4.77	5.30	4.90	4.90	88/118	43/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
136	DH51600273	Ngô Minh	Tâm	D16_TH07																			3.94	3.70	5.00	4.55	4.95	5.14	3.40	5.13	4.50	3.75	4.82	89/118	42/58	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
137	DH51600035	Đặng Trường	Thái	D16_TH07																			5.94	3.90	6.00	4.65	3.78		1.39	0.00		0.53	3.09	37/118	20/58	CB_BTH_2	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
138	DH51602615	Lê Nhật	Thanh	D16_TH07																			5.63	4.85	7.00	5.41	5.32	5.00	5.35	6.60	7.43	6.05	6.14	121/118	57/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
139	DH51601866	Vũ Đức	Thịnh	D16_TH07																			6.50	6.75	0.00	5.27	5.79	6.00	4.90	3.67		4.48	5.55	99/118	48/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
140	DH51602345	Nguyễn Quang	Triết	D16_TH07																			5.06	2.55	0.00	2.47	0.58	0.00	0.00	0.15	4.20	2.19	2.83	29/118	14/58	CB_BTH_3	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
141	DH51603442	Nguyễn Minh	Trung	D16_TH07																			4.75	5.05	6.29	4.35	5.05	6.00	5.10	5.77	5.86	6.46	6.18	108/118	51/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
142	DH51602235	Trương Tấn	Trung	D16_TH07																			7.06	5.30		5.15	4.50	4.00	4.59	4.58	2.00	4.89	5.34	81/118	38/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
143	DH51600920	Phan Hoàng Vũ	Bảo	D16_TH08																			5.19	4.80		3.65	3.96	6.90	5.56	4.62	6.00	5.90	5.72	112/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
144	DH51602948	Trần Quốc	Chuẩn	D16_TH08																			6.75	6.55	8.00	6.41	5.84		5.81	4.88		5.63	6.15	113/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
145	DH51601026	Lương Văn	Dũng	D16_TH08																			6.44	5.40		5.71	5.40	3.80	6.89	6.78	7.00	6.94	6.52	121/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
146	DH51603226	Hồ Quốc	Duy	D16_TH08																			6.38	5.55	8.50	4.94	3.89	8.00	6.44	6.76	6.00	7.87	6.63	116/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
147	DH51600851	Nguyễn Lương Hồng	Đức	D16_TH08																			6.06	5.95	8.00	5.29	5.26	6.38	5.50	6.09	5.00	6.25	6.25	116/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
148	DH51603224	Nguyễn Văn	Hiến	D16_TH08																			6.56	5.75		4.47	5.20		3.86	3.39	6.69	4.18	5.31	101/118	47/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
149	DH51604165	Nguyễn Minh	Huân	D16_TH08																			3.46	6.15	3.00	5.53	2.31	6.63	6.69	5.00		5.73	6.03	108/118	53/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
150	DH51601363	Chu Nguyễn Mạnh	Huy	D16_TH08																			7.63	5.55		6.00	6.30	5.80	6.89	8.06		7.50	7.21	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
151	DH51602924	Phan Lê Duy	Khanh	D16_TH08																			6.00	6.20	8.00	4.88	5.45	5.00	5.63	4.95	5.00	5.89	5.99	111/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
152	DH51601122	Trần Trung	Kiên	D16_TH08																			6.00	5.80	9.00	4.76	5.25	5.80	4.68	3.79	8.00	4.55	5.55	101/118	48/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
153	DH51603376	Vũ Thanh	Lâm	D16_TH08																			5.06	4.80	3.00	2.33	3.29		4.40	3.64		3.38	4.35	55/118	27/58	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
154	DH51603403	Nguyễn Xuân	Tân	D16_TH08																			6.06	4.25		3.76	4.87	4.60	5.39	3.67	5.00	5.87	5.32	100/118	47/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
155	DH51601106	Đỗ Hữu	Thọ	D16_TH08																			7.75	6.75		6.59	6.10		5.44	4.69		5.38	6.25	107/118	52/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
156	DH51603095	Nguyễn Thái	Thông	D16_TH08																			6.56	5.40	8.00	4.29	5.41	7.00	5.44	5.92	6.00	6.50	6.24	116/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
157	DH51601402	Nguyễn Thái Anh	Thư	D16_TH08																			5.56	4.80	6.00	3.82	4.42	6.00	4.70	5.27	5.57	5.58	5.66	115/118	53/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
158	DH51602834	Nguyễn Hữu	Trí	D16_TH08																			5.38	4.85	4.80	4.06	4.63	3.33	5.38	4.59	5.80	4.33	5.39	94/118	45/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
159	DH51600486	Nguyễn Trần Tuấn	Anh	D16_TH09																			6.69	5.30		4.12	5.32		5.70	6.86		6.08	6.15	111/118	53/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
160	DH51600271	Huỳnh Thị Nhã	Ca	D16_TH09																			5.00	5.10	3.00	4.76	6.39	6.00	6.35	5.06	5.00	5.69	5.90	120/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
161	DH51600767	Nguyễn Tấn	Đạt	D16_TH09																			6.44	6.75		5.37	6.26		6.25	6.43		5.74	6.58	112/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
162	DH51600821	Nguyễn Anh	Hiếu	D16_TH09																			6.94	6.15		5.59	5.77		6.67	6.56		5.19	6.28	111/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
163	DH51600654	Nguyễn Anh	Huy	D16_TH09																			5.44	4.45	8.00	3.18	1.24	0.00	0.75	4.90	5.50	6.54	5.04	69/118	34/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
164	DH51603554	Trần Thanh	Lâm	D16_TH09																			5.94	3.85		3.76	4.70	6.50	4.65	4.88	6.25	5.12	5.42	95/118	47/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
165	DH51601392	Lê Thành	Long	D16_TH09																			5.13	4.30		4.12	5.26	3.40	5.45	4.89	5.33	4.61	5.20	93/118	45/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
166	DH51602366	Nguyễn Hà	Nam	D16_TH09																			6.75	6.00		4.35	5.55		5.35	6.26	8.00	5.95	6.20	113/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
167	DH51600950	Châu Chí	Nghĩa	D16_TH09																			3.06	3.50		3.32	4.65	5.00	4.29	4.00		4.27	4.23	60/118	28/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
168	DH51603470	Nguyễn Thanh	Phong	D16_TH09																			6.81	4.55		2.88	5.24		4.50	2.27	0.00	0.00	4.27	62/118	30/58	CCHV_3	KoNoHP	KoDKMH	DC	DH16
169	DH51601235	Phan Trường	Phúc	D16_TH09																			6.38	5.15		4.82	5.57	7.50	5.90	5.90	7.00	6.40	6.36	116/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
170	DH51603293	Đoàn Nguyên	Quý	D16_TH09																			5.19	5.20	0.00	5.26	4.84	3.80	4.94	4.50		5.11	5.19	88/118	46/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
171	DH51602784	Đoàn Việt Như	Quỳnh	D16_TH09																			6.56	5.25		4.24	6.00	8.00	4.60	5.92	6.50	5.55	6.01	113/118	53/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
172	DH51602043	Ngụy Vạn	Thành	D16_TH09																			5.19	3.80	7.00	4.24	5.35	5.00	5.48	5.12	5.00	5.80	5.69	109/118	51/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
173	DH51601961	Phạm Chí	Thắng	D16_TH09																			4.31	2.95	5.40	3.65	1.95	3.00	3.00	4.65	5.50	4.62	4.68	69/118	32/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
174	DH51600724	Ngô Quốc	Thuận	D16_TH09																			4.69	4.60	6.14	3.94	5.24	4.00	4.91	5.23	6.60	5.08	5.83	112/118	51/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
175	DH51601133	Nguyễn Hữu	Thuận	D16_TH09																			6.50	5.60		4.82	5.64	5.00	5.80	5.56		6.00	5.96	114/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
176	DH51602249	Nguyễn	Vinh	D16_TH09																			6.31	5.80		7.12	6.87		7.25	6.72		6.13	6.71	114/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
177	DH51603738	Lê Trọng	Ân	D16_TH10																			5.25	3.50		4.06	5.73	6.00	6.07	5.74		6.40	5.90	117/118	54/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
178	DH51604028	Bế Xuân	Bình	D16_TH10																			5.69	4.90		4.12	5.11		5.27	4.52		4.69	5.25	97/118	46/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
179	DH51603941	Võ Hoàng Công	Danh	D16_TH10																			6.44	5.65		4.71	5.60		6.19	6.05		5.88	6.15	119/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
180	DH51603835	Nguyễn Nhựt	Duy	D16_TH10																			4.81	4.75	2.00	3.75	2.21		5.43	4.76	6.00	4.89	5.33	95/118	45/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
181	DH51604038	Đinh Khánh	Đạt	D16_TH10																			7.94	7.70		5.94	5.84		6.38	6.67		6.75	6.88	118/118	57/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
182	DH51604025	Hồ Phương	Đông	D16_TH10																			6.44	6.80		6.59	6.68		6.81	8.13		8.13	7.12	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
183	DH51602710	Nguyễn Lê Hoàng	Đức	D16_TH10																			4.75	5.85	3.00	4.71	5.37	6.00	6.11	5.55		6.63	5.90	116/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
184	DH51603691	Đỗ Hoàng	Gia	D16_TH10																			4.94	5.55	7.00	3.82	4.64	7.00	5.90	4.71		5.47	5.71	108/118	50/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
185	DH51603834	Nguyễn Phúc	Hậu	D16_TH10																			6.69	5.85		4.18	4.73		5.94	4.87		5.93	5.45	89/118	43/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
186	DH51603927	Trần Minh	Hiếu	D16_TH10																			6.63	6.65		5.41	6.27		6.22	6.67		6.20	6.49	117/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
187	DH51603606	Phạm Minh	Huy	D16_TH10																			5.88	5.45		5.00	6.52		6.67	6.56		6.58	6.45	119/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
188	DH51604086	Nguyễn Hoàng	Khang	D16_TH10																			6.06	6.50	8.00	5.94	6.11		6.25	6.33		6.59	6.44	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
189	DH51603657	Ngô Quốc	Khánh	D16_TH10																			1.06	3.00	4.40	1.47	3.38		6.58	5.04	5.07	5.67	5.09	100/118	43/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
190	DH51603666	Nguyễn Hoàng	Nam	D16_TH10																			5.69	6.15		4.47	5.00		6.04	5.68		6.06	5.94	123/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
191	DH51603639	Đỗ Phương	Nguyên	D16_TH10																			5.25	5.20	3.50	4.35	0.00	5.00	6.13	5.37	6.00	4.79	5.40	96/118	46/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
192	DH51603925	Lê Thị Yến	Nguyệt	D16_TH10																			6.06	7.40	8.00	6.71	6.27		6.94	7.60		6.32	6.93	121/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
193	DH51603764	Phương Khải	Nhân	D16_TH10																			7.19	6.75		6.00	6.42		7.00	6.67		7.00	6.76	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
194	DH51603855	Nguyễn Minh	Nhật	D16_TH10																			6.38	6.80		7.59	7.21		7.75	8.06		8.27	7.41	121/118	59/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
195	DH51603902	Hồng Thuận	Phát	D16_TH10																			7.44	7.75		7.35	7.42		8.38	7.73		7.63	7.66	119/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
196	DH51603644	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	D16_TH10																			7.13	7.35		6.76	6.32		7.31	7.00		7.00	7.03	120/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
197	DH51604108	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	D16_TH10																			6.06	6.60		4.41	6.00	8.00	7.39	6.22		7.38	6.80	119/118	56/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
198	DH51603772	Võ Thị Duyên	Thanh	D16_TH10																			7.69	7.75		7.53	7.47		7.75	7.67		8.13	7.70	118/118	58/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
199	DH51602987	Nguyễn Ngọc	Tiến	D16_TH10																			7.25	6.60		5.06	6.09		5.78	4.87		6.21	6.22	115/118	55/58		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 02/04/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn (trực tiếp hoặc qua email: pdaotao.stu@gmail.com) và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 06/04/2020 đến hết Thứ Năm, ngày 09/04/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C28):
- Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**